

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/DS-PT
Ngày: 22/9/2020
V/v tranh chấp chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thái, ông Nguyễn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Ông Phạm Xanh, Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2020/TLPT-DS ngày 18/8/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 151/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy H, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ liên lạc: Số A Trần Hưng Đạo, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thụy H trình bày: Năm 2015, bà H cho bà Nguyễn Thị Thanh H1 mượn nhiều lần tiền: Tháng 01/2015 mượn 600.000.000đ, tháng 8/2015

mượn 280.000.000đ, tháng 9/2015 mượn 190.000.000đ. Năm 2017, bà H1 tiếp tục mượn thêm 250.000.000đ. Tổng cộng: 1.320.000.000 đồng.

Tính đến tháng 4/2019 bà Nguyễn Thị Thanh H1 đã thanh toán cho bà H được 540.000.000 đồng. Hiện nay bà H1 còn nợ bà H số tiền là 780.000.000 đồng. Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 trả cho bà H số nợ trên nhưng bà H1 không thanh toán. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H1 trả nợ cho bà H số tiền 780.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi tính từ tháng 4/2019 cho đến nay, lãi suất theo quy định của pháp luật 10%/ năm x 780.000.000 đồng x 7 tháng = 45.300.000 đồng. Tổng cộng là 825.300.000 đồng (Tám trăm hai mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng)

Bà H xác định từ tháng 4/2019 bà H1 không trả tiền cho bà H. Giao dịch làm ăn giữa bà H và bà H1 không liên quan gì tới giao dịch của ông Lại và bà P.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1 trình bày: Bà H1 và bà H, có quen biết nhau và giao dịch tiền bạc qua lại từ năm 2011. Đến năm 2014, bà H1 có đứng tên ghi giấy mượn tiền của bà H cho đứa cháu tên là Võ Văn L sinh năm 1987, hiện ở khu phố Phú Thịnh, thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, mỗi lần mượn vài chục triệu đến một trăm triệu đồng, mượn rồi trả làm ăn giao dịch thường xuyên và bà H cũng biết bà H1 đứng tên mượn tiền cho anh L, cho đến khoảng cuối năm 2017, tình hình làm ăn không còn thuận lợi cháu bà H1 là anh L không đủ khả năng trả lãi và gốc theo yêu cầu của bà H và số nợ đến thời điểm đó chót là 660.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng). Lúc đó bà H có nói với bà H1 là bà H có nợ của bà Nguyễn Thị Bích P, hiện ở khu phố 1, phường Hưng Long, P là 660.000.000đ và đề nghị là anh L sẽ trả số tiền 660.000.000đ cho cô P luôn. Sau đó bà H chủ động hẹn gặp 4 người (bà H1, bà H, anh L, bà P) để làm giấy tờ chuyển số nợ 660.000.000đ mà bà H1 nợ bà H sang cho anh L nợ bà P và từ đó anh L trả tiền cho bà P và thỏa thuận khi có tiền trả cho bà H, hoặc bà P đều được. Theo bà H1 được biết năm 2018 và 2019 anh L đã trả hơn 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và vẫn hẹn trả tiếp tục trả, cụ thể:

Tháng 9/2018, bà H1 trả bà H 42.500.000đ (bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), bà H đến cơ quan bà H1 lấy. Tháng 10/2018 anh L trả cho bà P 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Tháng 11/2018 bà H1 trả cho bà H 59.300.000đ (năm mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng) tại quán cà phê Heekcaa. Ngày 29 Tết nhằm ngày 3/2/2019 bà H1 gởi cho bà H 2.000.000đ (hai triệu đồng) bà H nhờ chị T bán hàng trước trường Phan Bội Châu nhận giùm.

Khoảng cuối tháng 4 và đầu tháng 5/2019 bà H1 gởi cho bà H 5.000.000đ (năm triệu đồng), gởi 2 lần, một lần 3 triệu và một lần 2 triệu, bà H cũng nhờ chị Tâm nhận giùm.

Tháng 4,5,6,7/2018 bà H1 đóng huê chết 3 triệu cho bà H 3 phần mỗi tháng 9 triệu, tổng cộng là 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng).

Hai phần huê sống của bà H tháng 8/2018 là 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tổng cộng là 189.600.000đ (một trăm tám mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng) cộng thêm số tiền anh L trả cho bà P khoảng gần 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) bà H có theo dõi sổ. Do trong quá trình mượn tiền nhiều lần và trả nợ, rồi chuyển số nợ bà H1 không lấy lại giấy tờ, hiện nay tất cả giấy tờ bà H1 mượn tiền đều do bà H giữ, kể cả giấy nợ của anh L nợ bà P. Một phần do chủ quan, một phần vì bà H1 tin không ai lật lọng như vậy. Lợi dụng việc đó, bà H lục giấy tờ cũ ra muốn nói bà H1 nợ bao nhiêu thì nói và thuê người đòi nợ, hành hung bà H1 và cũng đã gửi đơn đến Đảng ủy, Ban giám đốc Sở văn hóa, thể thao và du lịch.

Đối với những hợp đồng thỏa thuận vay tiền của bà H1 với bà H theo đơn khởi kiện thì cụ thể tính đến thời điểm khoảng tháng 8-10/2017, bà H1 đã trả tiền lãi (lãi suất 4%/tháng đối với tiền đứng và 3,3% tháng đối với tiền góp) như sau:

Tháng 01/2015 mượn 600.000.000đ, từ tháng 01/2015 đến tháng 8/2017, 31 tháng là $600.000.000đ \times 31 \text{ tháng} = 744.000.000đ$ (bảy trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Tháng 8/2015 mượn 280.000.000 đồng, từ tháng 8/2015 đến tháng 8/2017, 24 tháng là $280.000.000 \times 4\% \times 24 \text{ tháng} = 268.800.000 \text{ đ}$ (hai trăm sáu mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Tháng 9/2015 mượn 190.000.000 đ, từ tháng 8/2015 đến tháng 8/2017, 23 tháng là $190.000.000 \times 4\% \times 23 \text{ tháng} = 174.800.000 \text{ đ}$ (một trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

Riêng số tiền 250.000.000đ là mượn trả góp trả gốc lãi hằng tháng với lãi suất 3,3%/ tháng, trả góp gốc cộng lãi chia đều trong vòng với số tiền lãi là: $250.000.000đ \times 3,3\% \times 10 \text{ tháng} = 82.500.000$ (tám mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vậy tính đến tháng 8/2017 bà H1 đã trả cho bà H số tiền lãi là: 1.270.900.000 đ (một tỷ hai trăm bảy mươi triệu chín trăm nghìn đồng).

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận đã đưa vụ án ra xét xử.

Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 05/6/2020, của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 229 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thụy H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh H1 trả nợ 779.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi từ tháng 04/2019 đến nay.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải trả nợ cho bà Nguyễn Thụy H tiền vốn là 779.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi chín triệu đồng) và tiền lãi từ tháng 04/2019 đến nay là 84.054.000 đồng (tám mươi bốn triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng 863.054.000 đồng (tám trăm sáu ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thụy H đối với số tiền 1.000.000 đồng tiền vốn.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 22/6/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thụy Hiền.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2020/DSST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm đã tuyên không đúng với sự thật khách quan. Bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn là 1.320.000.000đ; đã nhiều lần trả tiền cho nguyên đơn, số tiền gốc còn lại là 660.000.000đ thì bị đơn đồng ý trả; không đồng ý trả lãi từ tháng 4/2019 vì trên thực tế bị đơn đã phải trả lãi cho nguyên đơn cao hơn nhiều lần lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện từ 780.000.000đ giảm còn 779.000.000đ, trường hợp này không phải là nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện mà chỉ thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thay đổi lời khai, thừa nhận bị đơn có vay nguyên đơn số tiền như nguyên đơn yêu cầu nhưng cho rằng đã một phần gốc, chỉ còn lại 660.000.000đ và trả lãi 1.270.900.000đ. Bị đơn khai đã trả gốc và lãi như trên cho nguyên đơn nhưng nguyên đơn không thừa nhận và cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ. Do vậy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ căn cứ pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H1 theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vay của nguyên đơn tổng số tiền 1.320.000.000 đồng (lần 1 là tháng 01/2015 mượn 600.000.000đ, lần 2 là tháng 8/2015 mượn 280.000.000đ, lần 3 là tháng 9/2015 mượn 190.000.000đ, lần 4 là năm 2017 mượn 250.000.000 đồng) và bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 540.000.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã nộp tài liệu chứng cứ là 4 tờ hợp đồng thỏa thuận về việc vay tiền do bị đơn viết và ký tên, bị đơn thừa nhận chữ viết và chữ ký tại các hợp đồng và giấy vay tiền là chữ viết và chữ ký của bị đơn. Tại cấp sơ thẩm, bị đơn cho rằng đây là khoản vay giữa bà H và ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Bích P mà bà chỉ là người đứng ra vay giùm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H1 thừa nhận có vay cả bà H số tiền nêu trên. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà H1 có vay của bà H 1.320.000.000 đồng.

[3]. Bà Nguyễn Thị Thanh H1 cho rằng đã nhiều lần trả nợ gốc cho bà H, số nợ còn lại là 660.000.000đ; bà H cho rằng số nợ gốc còn lại là 779.000.000đ. Bà H1 khai đã trả nợ gốc cho nguyên đơn như trên nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định bà H1 còn nợ của bà H 779.000.000đ là có căn cứ.

[4]. Bà H1 khai đã trả lãi cho bà H với mức lãi suất 4% tháng đối với các khoản vay trong năm 2015 và 3,3% tháng cho khoản vay năm 2017. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.270.900.000đ. Bà H1 khai đã trả nợ lãi cho nguyên đơn như trên nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi từ 4/2019 là có căn cứ. Lãi suất: 03 hợp đồng vay năm 2015 các bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng. Thời điểm các bên ký kết hợp đồng thì Bộ luật dân sự 2005 đang có hiệu lực. Hợp đồng trên các bên chưa thực hiện xong và việc thỏa thuận lãi suất 4%/ tháng không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015, do vậy theo quy định của Điều 688, Bộ luật dân sự 2015 thì phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết. Theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 thì lãi suất các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng tức không được vượt quá 13,5%/năm (lãi suất do ngân hàng Nhà nước tại thời điểm 2015 là 9%/năm x 150%). Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 10%/năm nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất 10%/năm là có căn cứ. Đối với hợp đồng vay năm 2017 thì các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi rõ lãi suất là bao nhiêu, nên cấp sơ thẩm áp dụng lãi suất 10%/năm là đúng theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[5]. Về việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả 780.000.000đ tiền gốc và tiền lãi, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tính toán lại nên thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 779.000.000đ

tiền gốc và tiền lãi (giảm 1.000.000đ). Trường hợp này, nguyên đơn thay đổi yêu cầu và sự thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Tòa án sẽ xem xét giải quyết; việc thay đổi yêu cầu này không thuộc trường hợp nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Tuy nhiên, việc đình chỉ này của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự và cũng không có kháng cáo, kháng nghị về phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1. Cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P.

[6]. Do đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1 không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 229 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, Điều 468, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thụy H. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải trả cho bà Nguyễn Thụy H tiền vốn là 779.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi chín triệu đồng) và tiền lãi là 84.054.000 đồng (tám mươi bốn triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng 863.054.000 đồng (tám trăm sáu ba triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải nộp 37.891.620 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thụy H 18.379.500 đồng tiền

tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0005242 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007673 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Bà H1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thành phố P;
- Chi cục THADS TP. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân